

Số: 3384/UBND-TCD

V/v thông báo ý kiến trả lời  
của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ  
TĐC thủy điện Tuyên Quang

*Tuyên Quang, ngày 20 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi:

- Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân huyện: Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn;
- Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Sau khi tiếp nhận, xem xét các ý kiến, kiến nghị của công dân về chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

### **I. Về thực hiện Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang**

Công tác Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện từ năm 2002, chế độ, chính sách bồi thường, tái định cư được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 quy định tạm thời về bồi thường, tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang (sau đây gọi là Quyết định 937/QĐ-TTg); Quyết định số 675/QĐ-TTg ngày 04/6/2007 về việc đổi tên Quyết định và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 937/QĐ-TTg (sau đây gọi là Quyết định 675/QĐ-TTg); Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007 phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang (sau đây gọi là Quyết định 08/2007/QĐ-TTg). Năm 2008 đã hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho toàn bộ 4.116 hộ dân vùng lòng hồ và mặt bằng công trình thủy điện Tuyên Quang.

Năm 2010, trên cơ sở tổng kết, đánh giá về tình hình đời sống, sản xuất của người dân sau khi đã hoàn thành bồi thường, hỗ trợ tái định cư và hiện trạng cơ sở hạ tầng vùng tái định cư. Tỉnh Tuyên Quang đã đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét có chính sách hỗ trợ thêm cho người dân tái định cư và đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng vùng tái định cư theo hướng xây dựng nông thôn mới.

Ngày 10/10/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1766/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi là Quyết định 1766/QĐ-TTg). Nội dung chính là hỗ trợ bổ sung đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, hỗ trợ khuyến nông, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh hoặc BIOGAS cho hộ tái định cư; đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Thời gian thực hiện từ năm 2011 đến năm 2016, được Chính phủ điều chỉnh kéo dài đến năm 2020.

## **II. Về giải quyết các kiến nghị của người dân**

### **1. Kiến nghị về bồi thường**

**1.1.** Có ý kiến phản ánh việc khôngché mức đền bù không quá 1/4 suất đầu tư cho hộ tái định cư làm mất hết giá trị đền bù về đất và tài sản trên đất đầu đi của dân.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 19/4/2002 về việc đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nà Hang (sau đổi tên thành thủy điện Tuyên Quang), nhưng chưa phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư và chưa ban hành quy định về bồi thường, tái định cư. Để đảm bảo công tác di dân tái định cư được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu tiến độ xây dựng công trình, đồng thời đảm bảo cho các hộ di dân tái định cư về nơi ở mới có điều kiện ổn định đời sống phát triển sản xuất, tỉnh Tuyên Quang ban đầu định hướng trong phân bổ nguồn vốn để thực hiện Dự án di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang (*một phần kinh phí được thực hiện đền bù về đất đai, tài sản, vật kiến trúc cho các hộ tái định cư, phần kinh phí còn lại được bố trí để giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư và cơ sở hạ tầng đồng bộ tại nơi đến đảm bảo điều kiện ổn định cuộc sống bền vững, lâu dài cho đồng bào tái định cư*).

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 937/QĐ-TTg, Quyết định số 08/2007/QĐ-TTg, đã quy định cụ thể từng nội dung của dự án, bao gồm bồi thường, hỗ trợ cho người dân tái định cư, bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng cho khu tái định cư, đầu tư xây dựng công trình phục hồi vùng hồ thủy điện... Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở hồ sơ kiểm kê của các hộ dân, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người dân đầy đủ theo trình tự thủ tục, đúng với thực tế, đúng quy định (*toàn bộ đất đai, tài sản, vật kiến trúc, hoa màu của nhân dân đã được kiểm kê và tính toán đền bù đầy đủ cho nhân dân, đồng thời thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho nhân dân theo đúng quy định của nhà nước*).

Tổng mức đầu tư cho toàn bộ dự án theo Quyết định 08/2007/QĐ-TTg là 1.756,428 tỷ đồng, tổng số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho các hộ tái định cư là 574,813 tỷ đồng, bằng 32,7% tổng mức đầu tư.

Như vậy, việc đền bù cho hộ tái định cư là theo thực tế, không có việc khống chế, không đền bù đầy đủ, làm mất giá trị đền bù về đất và tài sản của người dân.

**1.2.** Đền bù cho dân bằng 02 Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh giá điều chỉnh từ cao xuống thấp (*Công văn số 910/UB-KTTH ngày 01/7/2003 đền bù nhà*

theo khẩu, mỗi khẩu 11 triệu đồng; Công văn số 1788/UB-KTTH ngày 30/9/2003 đèn nhà theo khẩu, mỗi khẩu 7 triệu đồng thuộc thôn Nà Pài, xã Vĩnh Yên, huyện Na Hang, rút của dân 4 triệu đồng/khẩu). Các hộ dân tái định cư đề nghị về mức hỗ trợ làm nhà mới tại khu tái định cư.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Trong khi chờ Chính phủ ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang, để đảm bảo tiến độ ngăn sông xây dựng công trình theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số văn bản để phục vụ bồi thường di dân, tái định cư. Trong đó, văn bản số 910/UB-KTTH ngày 01/7/2003 về việc di dân, tái định cư đợt I năm 2003 (sau đây gọi là văn bản 910/UB-KTTH) có quy định đèn bù nhà ở và vật kiến trúc nơi đi cho hộ tái định cư, bằng hình thức cấp tiền theo nhân khẩu với mức 11 triệu đồng/khẩu hợp pháp có trong hộ (*không tính theo giá trị về nhà và vật kiến trúc nơi đi*).

Ngày 20/8/2003 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 937/QĐ-TTg, trong đó tại Điều 9, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg có quy định bồi thường thiệt hại về nhà ở và vật kiến trúc khác nơi đi cho hộ tái định cư, bằng cách cấp tiền để xây dựng nhà tại nơi ở mới theo số nhân khẩu hợp pháp, hộ có từ 01 đến 02 khẩu được cấp tiền để xây dựng  $25\text{ m}^2$  nhà/hộ, hộ có từ 03 đến 05 khẩu được cấp tiền để xây dựng  $10\text{ m}^2$  nhà/khẩu, hộ có từ 06 khẩu trở lên được cấp tiền để xây dựng  $9\text{ m}^2$  nhà/khẩu (*không tính theo giá trị về nhà và vật kiến trúc nơi đi*). Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản số 1788/UB-KTTH ngày 30/9/2003 về đơn giá bồi thường và tái định cư thôn Nà Pài, xã Vĩnh Yên, huyện Na Hang (sau đây gọi là văn bản 1788/UB-KTTH), theo đó quy định bồi thường thiệt hại về nhà ở và vật kiến trúc khác nơi đi cho hộ tái định cư bằng cách cấp tiền để xây dựng nhà tại nơi ở mới với mức cụ thể: hộ có 06 khẩu trở lên 7.626.384 đồng/khẩu, hộ từ 03 đến 05 khẩu 8.544.840 đồng/khẩu, hộ độc thân hoặc 02 khẩu 22.762.550 đồng/hộ (*không tính theo giá trị về nhà và vật kiến trúc nơi đi*).

Cách bồi thường về nhà và vật kiến trúc nơi đi cho hộ tái định cư theo văn bản 910/UB-KTTH và văn bản 1788/UB-KTTH không phân định được cụ thể trong tổng số tiền về nhà và vật kiến trúc chi trả cho mỗi hộ tái định cư bao nhiêu là tiền bồi thường thiệt hại, bao nhiêu là tiền hỗ trợ của nhà nước, làm phát sinh thắc mắc trong nhân dân.

Thực hiện Quyết định số 675/QĐ-TTg về đổi tên Quyết định và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 937/QĐ-TTg, trong đó tại khoản 4, Điều 3 có bổ sung thêm cách thức bồi thường về nhà ở theo thực tế thiệt hại đồng thời hỗ trợ thêm 1 khoản tiền cho mỗi nhân khẩu hợp pháp, mức bồi thường và hỗ trợ cụ thể do UBND tỉnh quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thủy điện Tuyên Quang (sau đây gọi là Quyết định 309/QĐ-UBND), trên cơ sở kế thừa và

điều chỉnh tăng thêm đơn giá tại các văn bản đã ban hành, đảm bảo mọi mức giá bồi thường, hỗ trợ của từng nội dung cụ thể đều bằng hoặc cao hơn mức giá đã ban hành trước đó, đồng thời quy định cách tính bồi thường về nhà ở theo thực tế thiệt hại kèm theo hỗ trợ làm nhà với mức 7.000.000 đồng/khẩu.

Toàn bộ dự toán bồi thường, hỗ trợ cho các hộ tái định cư phê duyệt theo văn bản số 910/UB-KTTH và văn bản số 1788/UB-KTTH đều đã được tính lại và phê duyệt bổ sung theo quy định tại Quyết định số 309/QĐ-UBND, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và thống nhất về chính sách bồi thường, hỗ trợ cho toàn bộ các hộ di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang. Sau phê duyệt bổ sung, giá trị dự toán bồi thường, hỗ trợ của các hộ đều tăng, không có hộ nào dự toán thấp hơn số đã phê duyệt theo văn bản số 910/UB-KTTH và văn bản số 1788/UB-KTTH trước đó.

Thực tế đã thực hiện như sau: Tại Điều 5, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND quy định việc bồi thường thiệt hại về nhà ở được thực hiện theo 02 cách:

Cách 1. “*1. Bồi thường thiệt hại về nhà ở theo nhân khẩu hợp pháp để hộ tự làm nhà ở theo quy định tại điểm b, c khoản 1 và khoản 2, 3, 4 Điều 9 Quyết định 937/QĐ-TTg* như sau:

STT	Số khẩu/ hộ	Mức bồi thường xây dựng nhà
1	Hộ có 06 khẩu trở lên	7.626.384 đ/khẩu
2	Hộ có từ 03 đến 05 khẩu	8.544.840 đ/khẩu
3	Hộ độc thân hoặc hộ có 02 khẩu	22.762.500 đ/hộ

Cách 2. “*2. Bồi thường về nhà ở theo thực tế thiệt hại quy định tại khoản 4, Điều 3 Quyết định số 675/QĐ-TTg: Chủ đầu tư căn cứ vào diện tích, cấp, loại nhà ở thực tế tại nơi đi của hộ và đơn giá tại Điều 6 Quy định này để bồi thường. Ngoài ra mỗi nhân khẩu hợp pháp trong hộ được hỗ trợ thêm một khoản tiền để làm nhà tại nơi ở mới là 7.000.000 đồng/khẩu*”.

Khi lập dự toán bồi thường cho các hộ tái định cư theo 02 cách tính trên, sau khi tính toán và thẩm định, toàn bộ các hộ đều được phê duyệt theo cách 2: bồi thường về nhà ở theo thực tế thiệt hại đồng thời hỗ trợ thêm 7.000.000 đồng cho mỗi nhân khẩu hợp pháp có trong hộ, do có lợi hơn cho người dân. Cụ thể:

- Tổng mức bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc khác đã thực hiện theo quy định tại quyết định 309/QĐ-UBND là 348,864 tỷ đồng.

- Tổng mức bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc khác tính theo văn bản số 910/UB-KTTH là 11.000.000 đồng x 20.306 khẩu = 223,366 tỷ đồng.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 309/QĐ-UBND có lợi hơn cho hộ tái định cư so với tính theo văn bản số 910/UB-KTTH là 125,498 tỷ đồng

và phù hợp với Quyết định số 937/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 675/QĐ-TTg), không có việc rút bớt tiền bồi thường của người dân.

**1.3.** Các hộ dân tái định cư đề nghị xem xét việc thực hiện chính sách đối trù đất giữa đầu đi và đầu đến. Kiến nghị xem xét lại Quyết định số 3021/QĐ-CT ngày 10/8/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 7, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: “... Nếu giá trị đất được cấp thấp hơn giá trị đất bị thu hồi thì hộ được bồi thường bằng tiền phần giá trị chênh lệch; nếu giá trị đất được cấp cao hơn giá trị đất bị thu hồi thì hộ không phải bù phần giá trị chênh lệch đó”.

Tại văn bản số 2145/UBND-TĐ ngày 25/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh có ghi: “Giá đất bồi thường nơi đi (theo quy định của UBND tỉnh) được duyệt ở thời điểm nào, thì giá đất để tính giá trị đất được cấp nơi đến (theo quy định của UBND tỉnh) được tính theo giá quy định tại thời điểm đó. Nếu giá trị đất được cấp nơi đến thấp hơn giá trị đất bị thu hồi nơi đi thì hộ được bồi thường bằng tiền phần giá trị chênh lệch đó. Nếu giá trị đất được cấp nơi đến cao hơn giá trị đất bị thu hồi nơi đi thì hộ bị thu hồi không phải bù phần giá trị chênh lệch đó”. Tại văn bản số 1337/UBND-TĐ ngày 13/6/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh có ghi: “Giá trị đất để cân đối bù trừ chênh lệch giữa nơi đi và nơi đến được xác định đất ở riêng, đất nông nghiệp riêng (đất ở nơi đi cân đối bù trừ với đất ở nơi đến, đất nông nghiệp nơi đi cân đối bù trừ với đất nông nghiệp nơi đến); các nội dung khác thực hiện theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2145/UBND-TĐ ngày 25/8/2006”.

Quyết định số 3021/QĐ-CT ngày 10/8/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn về việc phê duyệt dự toán đối trù giá trị đất bồi thường, hỗ trợ nơi đi và giá trị đất được giao nơi đến tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang, nội dung Quyết định có ghi: “Tổng số hộ thực hiện đổi trù đất là 458 hộ; tổng giá trị đất được bồi thường, hỗ trợ nơi đi là 8.008.545.333 đồng; tổng giá trị được giao nơi đến TĐC là 9.339.372.150 đồng; số tiền đất phải thu theo quy định 6.295.165.556 đồng; số tiền chênh lệch thiếu các hộ không phải nộp là 3.044.206.594 đồng; số tiền chênh lệch thừa các hộ được nhận là 1.713.379.777 đồng; chi phí thực hiện công tác đổi trù đất là 9.524.000 đồng”.

Như vậy, Quyết định số 3021/QĐ-CT ngày 10/8/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 7, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ, đã được công khai đến từng hộ dân; không thu tiền chênh lệch

thiếu của các hộ dân, số tiền chênh lệch thừa các hộ đã được nhận đủ, không có việc nhà nước giữ lại tiền và thu tiền của người dân.

**1.4.** Các hộ dân tái định cư đề nghị được đền bù đất vườn rừng, đất vườn liền kề (người dân chỉ được hỗ trợ 50.000 đồng/ha/năm).

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Đối với đất vườn rừng: Đất vườn rừng của các hộ di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang đã được kiểm kê và có sổ lâm bạ kèm theo là đất được Ủy ban nhân dân xã giao, để tổ chức xây dựng vườn rừng góp phần phát triển vốn rừng, là đất không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 6, Quy định kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg, nên không được bồi thường. Hộ tái định cư được hỗ trợ công khoanh nuôi, bảo vệ rừng 100.000 đồng/ha/năm, theo số năm và diện tích tại sổ lâm bạ theo quy định tại Quyết định số 309/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đối với đất vườn liền kề: Đất vườn liền kề của hộ tái định cư đã được kiểm kê và đủ điều kiện bồi thường, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã phê duyệt bồi thường theo giá quy định của Nhà nước tại thời điểm bồi thường.

**1.5.** Đề nghị hỗ trợ khoanh nuôi bảo vệ rừng đối với những hộ ký hợp đồng liên doanh liên kết với Lâm trường Na Hang.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Toàn bộ diện tích rừng thuộc Lâm trường Na Hang quản lý đã được chuyển sang dự án Bảo tồn thiên nhiên Tát Ké - Bản Bung từ năm 1995 theo Quyết định số 445/QĐ-UB ngày 29/6/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2002 việc di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang mới triển khai thực hiện và tiến hành tổng kiểm kê để thực hiện bồi thường.

Như vậy, việc giải quyết quyền lợi cho các hộ ký kết hợp đồng liên doanh liên kết với Lâm trường Na Hang không thuộc phạm vi về chính sách di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang.

**1.6.** Các hộ dân tái định cư đề nghị trả chế độ đền bù cho 4.113 hộ dân lòng hồ thủy điện Tuyên Quang theo Nghị định 22/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ có hệ số K.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Công trình thủy điện Tuyên Quang là dự án trọng điểm quốc gia, để đảm bảo quyền lợi cho người dân thuộc đối tượng tái định cư thủy điện Tuyên Quang, ngày 20/8/2003 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-TTg quy định tạm thời về bồi thường, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang, để đảm bảo chặt chẽ và phù hợp hơn, ngày 04/6/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 675/QĐ-TTg về việc sửa đổi tên Quyết định và sửa đổi một số điều của Quyết

định số 937/QĐ-TTg. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không quy định điều, khoản về hệ số K (*cả đối với đất được bồi thường và đất được cấp*).

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang đã được thực hiện đúng theo Quyết định số 937/QĐ-TTg và Quyết định số 675/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**1.7. Dân làng hồ có quyền được hưởng chế độ chính thức hay không? Được vào năm nào.**

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang được thực hiện theo Quyết định số 937/QĐ-TTg. Ngày 04/6/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 675/QĐ-TTg đổi tên và sửa đổi, bổ sung Quyết định số 937/QĐ-TTg.

Tại Điều 1, Quyết định số 675/QĐ-TTg đã: “Đổi tên Quyết định số 937/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định tạm thời về bồi thường, tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang, như sau: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang”.

Như vậy, sau sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 675/QĐ-TTg thì Quyết định số 937/QĐ-TTg không còn là tạm thời. Các hộ tái định cư thủy điện Tuyên Quang đã được thực hiện chế độ di dân, tái định cư (*chính thức*) theo quy định của Thủ Tướng Chính phủ tại Quyết định số 937/QĐ-TTg và Quyết định số 675/QĐ-TTg; được áp dụng thống nhất đơn giá bồi thường, hỗ trợ quy định tại Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

**1.8. Các hộ dân đề nghị được đèn bù thống nhất một giá đèn bù đất đầu đi. (Một số hộ được bồi thường giá thấp, một số hộ được bồi thường giá cao).**

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Việc bồi thường về đất thực hiện theo Điều 7, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể tại Điều 3, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND như sau: “*Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được bồi thường về đất tại thời điểm nào thì giá đất để tính bồi thường là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm đó*”.

Theo quy định của Luật Đất đai, giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành được áp dụng cho mỗi năm hoặc cho thời gian cụ thể. Do số dân phải di chuyển tái định cư lớn, thực hiện trong thời gian dài nên có thôn di chuyển trước, có thôn di chuyển sau theo tiến độ xây dựng công trình và kế hoạch di chuyển tại Quyết định số 184/2003/KH-UB ngày 25/12/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Căn cứ kế hoạch di chuyển tái định cư của từng thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bồi thường, hỗ

trợ để thanh toán cho các hộ tại thời điểm di chuyển, nên không thể áp dụng chung một giá đất cho toàn bộ các hộ.

**1.9.** Các hộ dân tái định cư đề nghị bồi thường về đất và tài sản trên đất cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời đền bù 100% tài sản trên đất đối với các hộ mới được nhận 80%.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Toàn bộ đất của hộ tái định cư tại nơi đi, có trong hồ sơ kiểm kê nếu đủ điều kiện bồi thường theo quy định của Chính phủ đều được bồi thường theo đúng quy định tại Điều 6, Quy định kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Hộ tái định cư có tài sản là vật kiến trúc trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ 80% giá trị tài sản là thực hiện theo đúng quy định tại Điều 8, Quy định kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**1.10.** Đề nghị được áp dụng Luật Đất đai 2003 cho các hộ có Quyết định phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ ngày 30/10/2004.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2003 được quy định cụ thể tại Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thay thế cho Nghị định 22/1998/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định 197/2004/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2005, do vậy hộ có Quyết định phê duyệt bồi thường ngày 30/10/2004 không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định 197/2004/NĐ-CP.

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy điện Tuyên Quang thực hiện theo Quyết định số 937/QĐ-TTg, sửa đổi bổ sung tại Quyết định 675/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Kiến nghị về hỗ trợ**

**2.1.** Các hộ dân tái định cư đề nghị việc hỗ trợ khuyến nông, lâm, thủy sản theo quy định tại Quyết định 1766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 05 triệu đồng/hộ, nhưng thực tế người dân mới được nhận 03 triệu đồng bằng 01 con lợn 20kg và 7 bao cám (03 bao C14, 04 bao C15).

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Quy định về hỗ trợ khuyến nông, lâm, thủy sản theo Quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang được phê duyệt tại Quyết định số 1766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như sau: “Tiếp tục chương trình hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho các hộ tái định cư và triển khai trình diễn mô hình như: bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến

thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, thuỷ sản, gắn với từng mô hình khuyến nông, khuyến ngư của địa phương..., mức hỗ trợ tối đa không quá 05 triệu đồng/hộ”.

Như vậy, việc hỗ trợ khuyến nông, lâm, thủy sản cho mỗi hộ tái định cư theo mô hình khuyến nông do hộ đăng ký và định mức vật tư, con giống theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn với giá trị không quá 05 triệu đồng/hộ là đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi tiếp nhận hộ tái định cư đã thực hiện việc hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho 3.776 hộ tái định cư, vốn đầu tư đã thực hiện 18,768 tỷ đồng, được tổng hợp quyết toán theo giá trị thực tế hỗ trợ cho hộ tái định cư.

**2.2. Đề nghị được đầu tư xây dựng hầm BIOGAS hoặc nhà vệ sinh tự hoại (10 triệu đồng/hộ), tỉnh đã thực hiện hỗ trợ 05 triệu đồng/hộ là theo quy định nào.**

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Việc hỗ trợ 05 triệu đồng/hộ để xây dựng hầm BIOGAS hoặc nhà vệ sinh tự hoại là thực hiện theo Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang được phê duyệt tại Quyết định số 1766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: “hỗ trợ các hộ tái định cư và hộ sở tại nhường đất để xây dựng điểm tái định cư kinh phí đầu tư xây dựng hầm BIOGAS hoặc nhà vệ sinh tự hoại với mức hỗ trợ là 05 triệu đồng/hộ”. Như vậy, việc hỗ trợ 05 triệu đồng/hộ là đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ.

**2.3. Đề nghị xây dựng mức hỗ trợ cụ thể một lần việc mua giống, phân bón cho các hộ dân được giao đất khai hoang theo quy định tại khoản 5, Điều 1, Quyết định 1766/QĐ/TTg? người dân không được hưởng.**

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang được duyệt tại Quyết định 1766/QĐ-TTg có quy định “Hỗ trợ các hộ tái định cư nhận đất khai hoang (do đất mới khai hoang, chất lượng không tốt cần có thời gian cải tạo, năng suất cây trồng thấp, khó khăn trong việc đảm bảo lương thực): Hỗ trợ 01 lần toàn bộ kinh phí mua giống, phân bón cho 01 vụ sản xuất theo định mức và quy trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, nhưng không quá 05 triệu đồng/hộ”.

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đã có văn bản số 580/HĐ-SNN ngày 27/4/2012 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, quy trình đầu tư xây dựng đồng ruộng; lập hồ sơ một lần kinh phí mua giống, phân bón cho các hộ tái định cư được giao đất khai hoang; hồ sơ một lần kinh phí thực hiện khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho các hộ tái định cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, chỉ những hộ tái định cư được giao bù sung đất sản xuất là đất khai hoang mới, mới được hỗ trợ. Thực tế đất sản xuất cấp bù sung cho hộ tái định cư khi thực hiện Quyết định 1766/QĐ-TTg hầu hết được chuyển nhượng từ hộ sở tại, đến nay có 130 hộ tái định cư được giao bù sung đất sản xuất trong đó có đất khai hoang mới, đã được hỗ trợ một lần kinh phí mua giống, phân bón trị giá 210,13 triệu đồng.

### **3. Kiến nghị về đất ở**

**3.1. Đề nghị thực hiện bù sung đất ở theo Quyết định số 1766/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.**

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Theo Quyết định 08/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hộ tái định cư được cấp đất ở như sau: hộ nông nghiệp từ  $200\text{ m}^2$  -  $400\text{ m}^2$ , hộ phi nông nghiệp từ  $150\text{ m}^2$  -  $200\text{ m}^2$ . Đã thực hiện cấp đất ở cho 3.912 hộ với tổng diện tích đã giao là  $1.189.331\text{ m}^2$  bình quân đạt  $304,02\text{ m}^2/\text{hộ}$ , trong đó có 923 hộ đã giao đạt mức  $200\text{ m}^2/\text{hộ}$  tái định cư phi nông nghiệp và  $400\text{ m}^2/\text{hộ}$  tái định cư nông nghiệp.

Theo Quyết định 1766/QĐ-TTg số hộ được hỗ trợ bù sung đất ở (hộ nông nghiệp có dưới  $400\text{ m}^2$  và hộ phi nông nghiệp có dưới  $200\text{ m}^2$ ) là 2.989 hộ, đến nay đã hỗ trợ bằng tiền cho 2.832/2.989 hộ, tỷ lệ 94,7 %, lũy kế số tiền thực hiện hạng mục này đến nay là 101,099 tỷ đồng (trong đó tạm ứng ngân sách tỉnh là 94,441 tỷ; vốn trung ương cấp là 7,14 tỷ).

Số hộ còn lại chưa được nhận tiền hỗ trợ hầu hết là do còn vướng mắc về thủ tục nhận tiền (như: vắng mặt tại nơi ở, đang giải quyết việc người dân lấn chiếm đất, đang xem xét xác minh ranh giới và diện tích đất được giao, đang kiến nghị về mức hỗ trợ... ), Ủy ban nhân dân các huyện đang giải quyết các vướng mắc và thủ tục liên quan để hoàn thành hỗ trợ cho các hộ tái định cư còn lại.

**3.2. Đề nghị UBND tỉnh bù sung đất ở bằng tiền thực hiện theo Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ? Đề nghị tạo quỹ đất ở để giao cho các hộ dân bằng đất đồi với các hộ chưa nhận tiền.**

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Về Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009: Nghị định 69/NĐ-CP của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014.

Việc hỗ trợ bù sung đất ở cho các hộ tái định được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 30/8/2018, mức hỗ trợ gồm: (1) giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cụ thể cho từng khu vực theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất; (2) mức hỗ trợ chi phí tạo mặt bằng (*được tính theo khối lượng bình quân thực tế các khu tái định cư đã thực hiện và chi phí đầu tư theo định mức kinh tế kỹ thuật*

hiện nay của nhà nước). Mức hỗ trợ tại Quyết định 965/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 đã đảm bảo về cơ sở pháp lý và thực tiễn.

Về số hộ chưa nhận tiền hỗ trợ: Hiện còn 37 hộ chưa nhận tiền với lý do là mức hỗ trợ thấp (chiếm 1,22% số hộ được hỗ trợ). Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện tăng cường đối thoại, giải thích để thực hiện hỗ trợ dứt điểm cho các hộ trên theo Quyết định 965/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **4. Kiến nghị về đất sản xuất**

Các hộ dân tái định cư phản ánh về đất sản xuất một số nơi chưa giao đủ 500 m<sup>2</sup> đất hai vụ lúa/khẩu nông nghiệp.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Tổng diện tích đất sản xuất quy 02 vụ lúa đã giao là 7.564.600 m<sup>2</sup> cho 15.046 nhân khẩu, bình quân đạt 502,8 m<sup>2</sup>/khẩu, trong đó khu tái định cư diện tích giao bình quân thấp nhất có mức giao đạt 464,18 m<sup>2</sup>/khẩu (xã Tân Thành, huyện Hàm Yên); khu tái định cư diện tích giao bình quân cao nhất có mức giao đạt 558,36 m<sup>2</sup>/khẩu (xã Thanh Tương, huyện Na Hang).

Do một số địa phương có khó khăn về quỹ đất, nên còn một số hộ tái định cư chưa được giao bù sung đạt mức 500 m<sup>2</sup>/khẩu, dự án cần tiếp tục đầu tư trung dụng khoảng 11,25 ha đất 02 vụ lúa. Trong khi Chính phủ chưa bố trí vốn để thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản số 1865/UBND-ĐTXD ngày 04/7/2019 tạm ứng kinh phí từ ngân sách tỉnh để đầu tư, hỗ trợ bù sung đất sản xuất giao cho các hộ tái định cư thủy điện Tuyên Quang, hiện nay Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đang thực hiện.

#### **5. Một số nội dung kiến nghị hạ tầng ở khu tái định cư**

**5.1.** Theo khoản 4, Điều 14 Quyết định số 937/QĐ-TTg và được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 675/QĐ-TTg quy định mỗi hộ tái định cư được xây dựng 01 bể nước 02 m<sup>3</sup>/hộ. Đề nghị nêu việc xây dựng bể nước cho dân như thế nào, mức hỗ trợ là bao nhiêu.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Khoản 4, Điều 14, Quy định kèm theo Quyết định số 937/QĐ-TTg được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 675/QĐ-TTg quy định hộ tái định cư được cấp nước sinh hoạt bằng giếng; đối với những nơi sử dụng công trình cấp nước tập trung mỗi hộ tái định cư được nhà nước đầu tư xây dựng 01 bể nước 02 m<sup>3</sup>, việc đầu tư xây bể thực hiện theo quy định của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Toàn bộ các khu tái định cư đều được đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt của người dân. Tại một số điểm tái định cư, do thay đổi phong cách và kế hoạch bố trí tái định cư nên có một số hộ khi về nơi tái định cư chưa có bể nước được xây dựng sẵn, người dân tự xây dựng và sử dụng. Các

trường hợp này được nhà nước thanh toán kinh phí xây dựng bê nước trên cơ sở dự toán xây dựng bê nước 02 m<sup>3</sup> tại khu vực đó, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tổng số hộ đã được thanh toán tiền xây dựng bê nước là 395 hộ, tổng số tiền đã thanh toán là 1,089 tỷ đồng.

**5.2.** Các hộ dân tái định cư đề nghị đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu tái định cư? (*Công trình giao thông; Công trình kiến trúc công cộng; Công trình bãi rác; Công trình nắp rãnh thoát nước khu tái định cư; Công trình cáp điện sinh hoạt; Công trình nghĩa địa; Công trình cáp nước sinh hoạt; Công trình thủy lợi*).

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Việc xây dựng kết cấu hạ tầng tại khu tái định cư được thực hiện theo danh mục các đầu điểm công trình hạ tầng tại Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-TTg và Quyết định số 1766/QĐ-TTg.

Đến hết năm 2018, Chính phủ mới cấp 49,3% số vốn để thực hiện Quyết định số 1766/QĐ-TTg, nên nhiều hạng mục công trình hạ tầng khu tái định cư chưa được đầu tư xây dựng (*còn khoảng 540 hạng mục công trình chưa được đầu tư*).

**5.3.** Kiến nghị về điểm tái định cư Phố Vền, xã Tân Mỹ; Đèo Chăp, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa.

Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

a) Điểm tái định cư Phố Vền, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa.

- Đề nghị bổ sung kinh phí sửa chữa mương thoát nước tại khu tái định cư: Quy hoạch di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang không có nội dung đầu tư trên, UBND huyện Chiêm Hóa kiểm tra xem xét và có phương án giải quyết theo thẩm quyền.

- Đề nghị làm đường vào khu tái định cư: tuyến đường từ ngã ba tỉnh lộ ĐT 188 đến điểm tái định cư Phố Vền, xã Tân Mỹ được UBND tỉnh quyết định đầu tư tại Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 31/10/2016, được thực hiện theo kế hoạch bố trí vốn của Chính phủ, dự kiến trong năm 2020.

- Đề nghị xây dựng cầu treo sang khu sản xuất: công trình cầu treo dân sinh Phố Vền - Lăng Lé thuộc dự án đầu tư Chương trình cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2014 - 2020, công trình đã thực hiện xong các bước chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư (Tổng cục Đường bộ) đã bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu thi công và đang phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ giải phóng mặt bằng để khởi công công trình.

b) Điểm tái định cư Đèo Chăp, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa.

- Kiến nghị về nước sinh hoạt không đảm bảo: khu tái định cư được xây dựng công trình cấp nước tập trung tự chảy, sau thời gian hoạt động từ năm 2004 nguồn nước suy giảm, UBND huyện Chiêm Hóa đã phê duyệt đầu tư 31 giếng khoan cho các hộ tái định cư tại quyết định số 5163/QĐ-UBND ngày 29/10/2016, được thực hiện theo kế hoạch bố trí vốn của Chính phủ, dự kiến trong năm 2020.

- Kiến nghị đất khu nghĩa trang có độ dốc lớn: đất làm nghĩa trang khu tái định cư Đèo Chấp được bố trí theo quy hoạch chung và phù hợp điều kiện thực tế nông thôn. Theo chương trình xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện đã đầu tư xây dựng tuyến đường bê tông vào khu nghĩa trang.

### **III. Về thông báo ý kiến trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phổ biến và thông báo ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản này đến từng thôn, xã và điểm tái định cư trên địa bàn, đảm bảo tất cả các hộ tái định cư đều được phổ biến và giải thích đầy đủ, chính xác từng nội dung trong văn bản.

2. Ban Di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang có trách nhiệm chủ trì cùng với Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ tại điểm 1 nêu trên. Nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời tổng hợp, báo cáo và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Nhu trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Hội LHPN tỉnh; Hội CCB tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh; Tỉnh đoàn TN;
- Thanh tra tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công an tỉnh; Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TCD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Thực**